TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-10-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc.

2. Bà Tạ Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T:* Ông Vũ Văn N - Luật sư của Công ty luật TNHH Luật G, địa chỉ: Số 44, đường N, phường N, quận B, Thành phố Hà Nội. Đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09 tháng 5 năm 2018, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T; lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn K và các tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án; lời khai của nguyên đơn tại phiên toà, nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn K là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30-12-2007 tại Uỷ ban nhân dân xã N,

huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh - chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Sau khi kết hôn, do điều kiện kinh tế vợ chồng khó khăn, anh K cho rằng chị T không làm ra kinh tế, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong lối sống sinh hoạt hằng ngày, anh K đối xử tệ bạc, hành hung, đánh chị nhiều lần, phải đi bệnh viện điều trị thương tích. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 2 năm 2012 đến nay. Anh K đưa con chung cháu Nguyễn Anh T về quê ở xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị xin được ly hôn anh K.

Theo anh K nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong lối sống sinh hoạt hàng ngày; mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng ly thân nhau từ năm 2010 đến nay. Hiện nay anh K đang chung sống như vợ chồng với chị Đỗ Thị Minh T1 và đã có 02 con riêng với chị T1 nhưng không đồng ý ly hôn chị T.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh K - chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25-9-2008, hiện do anh K đang nuôi dưỡng.

Chị T - anh K thoả thuận nếu ly hôn giao cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng cháu T cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh K yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 1.000.000 *(Một triệu)* đồng; chị T nhất trí với yêu cầu của anh K về cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ chung, các vấn đề khác:* Chị T và anh K đều xác định vợ chồng không có nên đều không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh K từ chối tham gia tố tụng đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được vụ án.

Tại phiên toà:

- Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh K. Đề nghị giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25-9-2008 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 *(Một triệu)* đồng/tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi như đề nghị của anh K. Không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, công nợ và các vấn đề khác.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng, anh Nguyễn Văn K từ chối không tham gia tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K là hợp pháp, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị giao anh K tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K là 1.000.000 đồng/tháng. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh K xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, do vợ chồng không tôn trọng nhau, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 02-2012 vợ chồng đã ly thân nhau đến nay, anh K đã chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng và đã có con riêng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Tươi là phù hợp điều Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2008, do anh K đang nuôi dưỡng. Nay các đương sự thoả thuận giao cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng 1.000.000 *(Một triệu)* đồng/tháng là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung và các vấn đề khác: Ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và các Điều 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25-9-2008 cho anh Nguyễn Văn K tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Ti phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hằng tháng cho anh Nguyễn Văn K là 1.000.000 *(Một triệu)* đồng/tháng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên Gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng, cộng là 600.000 *(Sáu trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 03969 ngày 15-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, chị T còn phải nộp bổ sung án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Trưởng